

Số: 1079 /TM-KSBT

Bình Thuận, ngày 01 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI YÊU CẦU BÁO GIÁ (Lần 2)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận có nhu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất, sinh phẩm, vật tư cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước - Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (*Ngân sách địa phương từ nguồn phân khai kinh phí phục vụ công tác điều hành phát sinh trong năm của ngành Y tế*) năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.
- Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Cách thức thức nhận báo giá (một trong các hình thức sau):
 - Nộp qua địa chỉ email: ttksbt@sy.t.binhthuan.gov.vn
 - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận tại địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Số điện thoại: 0252.3834.536

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 16h00 ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến trước 07h00 ngày 12 tháng 8 năm 2024.
- Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hóa chất, sinh phẩm, vật tư (*Theo Phụ lục 1 đính kèm*)
- Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.

3. Các thông tin khác (nếu có): Nhà cung cấp báo giá theo mẫu **Phụ lục 2**
đính kèm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận kính mời các đơn vị có đủ khả năng, năng lực tham gia chào giá theo các yêu cầu nêu trên.

Rất mong được sự hợp tác của các đơn vị ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (*Báo cáo*);
- Các Phó giám đốc TTKSBT (*để biết*);
- Website: <https://cdcbinhthuan.vn>;
- Hệ thống mạng đầu thâu quốc gia;
- Lưu: VT, KHN.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Hạnh

PHỤ LỤC 1:

**DANH MỤC HÓA CHẤT, SINH PHẨM, VẬT TƯ CHÀO GIÁ
- NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Thư mời số: 1079 /TM-KSBT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận)

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Ghi chú (Nước sản xuất)
I	HOÁ CHẤT				
1	1,10 Phenathlorin-monoxydrat	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
2	4- aminobenzen – sunfonamic (NH ₂ C ₆ H ₄ SO ₂ NH ₂)	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
3	Acetamide broth	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng bột, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 8881:2011 Hạn sử dụng ≥ 3 năm	Án
4	Acid acetic	2	Chai	Acetic acid (glacial) 100%, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
5	Acid acetic 3%	5	Lọ	Nồng độ: 3%, sử dụng trong sản phụ khoa Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
6	Acid photphoric (H ₃ PO ₄)	1	Hộp	Chất lỏng có nồng độ ≥ 85 %, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
7	AgNO ₃	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
8	Ammonia Solution 25%	1	Chai	Công thức hóa học: NH ₄ OH, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
9	Ammonium acetate (NH ₄ C ₂ H ₃ O ₂)	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
10	Ammonium chlorid (NH ₄ Cl)	1	Hộp	Tinh thể màu trắng, không mùi, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
11	Ammonium persulfate	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức

12	Bactident Coagulase	2	Hộp	Dạng bột, Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh, theo TCVN 4830-1:2005 Hạn sử dụng ≥ 3 năm	Đức
13	Bactident oxidase	10	Hộp	Dạng que, Sử dụng cho kiểm nghiệm vi sinh, theo TCVN 6187-1: 2019. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
14	Baird – Parker agar	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng hạt, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 4830-1:2005. Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Đức
15	Barium chloride dihydrate (BaCl ₂ .2H ₂ O)	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
16	Bộ so màu ozone cho môi trường nước	9	Bộ	Sử dụng để đo nồng độ ozone trong nước, Thang đo 0.0 đến 2.3 mg/L, một bộ đo bao gồm: - Nước khử khoáng một chai 500ml - Đĩa so màu - Hai lọ thủy tinh có nắp - 1 ống hút (pipet) làm bằng chất dẻo (3 ml)	
17	Brain heart broth	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng hạt, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 4830-1:2005. Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Đức
18	Buffered Peptone water	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng hạt, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 6507-1: 2019 Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Đức
19	Calcium carbonate (CaCO ₃)	1	Hộp	Độ tinh khiết 100 %, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
20	Chloramin B	400	kg	Sử dụng tiệt trùng, diệt khuẩn Hoạt chất: Sodium N-chlorobenzenesulfonamide (chloramine B). 25% chlorine Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Tiếp Khắc
21	Chromocult Coliform Agar	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng hạt, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 6187-1: 2019 Hạn sử dụng ≥ 3 năm	Đức
22	Cồn 70 độ	243	lít	Dạng chất lỏng trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng Ethanol, không có mùi lạ. Thành phần Ethanol 70%	

23	Cồn 90 độ	35	Lít	Dạng chất lỏng trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng Ethanol, không có mùi lạ. Thành phần Ethanol 90%	
24	Dầu soi bạch hương	10	lít	Sử dụng cho kính hiển vi -có bản chất nhờn và có chỉ số khúc xạ khoảng 1.516	Đức
25	Dầu soi kính hiển vi	1	Chai	Dầu soi kính khi sử dụng dùng để quan sát các vật mẫu có kích thước nhỏ quan sát nhân tế bào hoặc vi khuẩn độ phóng đại $10 \times 100 = 1000$ lần.	
26	Dung dịch chuẩn gốc Fe 1000mg/l	1	Chai	Có hàm lượng 1000mg/l Fe, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
27	Dung dịch chuẩn gốc mangan 1000mg/l	1	Chai	Có hàm lượng 1000ng/l Mn, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
28	Dung dịch chuẩn gốc nitrat 1000mg/l	1	Chai	Có hàm lượng 1000ng/l NO_3 , sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
29	Dung dịch chuẩn gốc nitrit 1000mg/l	1	Hộp	Có hàm lượng 1000ng/l NO_2 , sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
30	Dung dịch chuẩn gốc Sulfat 1000mg/l	1	Chai	Có hàm lượng 1000 mg/l SO_4 , sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
31	Dung dịch chuẩn pH 10.0	1	Chai	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Giá trị pH 10.0. Độ chính xác Tiêu chuẩn (± 0.02 pH).	Đức
32	Dung dịch chuẩn pH 4.0	1	Chai	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Giá trị pH 4.0 Độ chính xác Tiêu chuẩn (± 0.02 pH). Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
33	Dung dịch chuẩn pH 7.0	1	Chai	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Giá trị pH 7.0 Độ chính xác Tiêu chuẩn (± 0.02 pH). Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
34	Dung dịch KCl 3M (bảo vệ điện cực máy pH)	1	Chai	Bảo vệ điện cực máy pH, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức

35	EA-50	6	Chai	Hóa chất nhuộm tế bào EA-50 Dùng để nhuộm tế bào chất trong mô học. Được sử dụng trong bộ nhuộm Papanicolaou. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
36	Eriochrome Black (E.B.T)	1	Chai	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
37	Ethanol	1	Chai	96% ethanol, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
38	Glycerol	1	Chai	99% glycerol, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
39	Glycerol (about 85 %)	1	Chai	Dạng keo, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Đức
40	H ₂ O ₂ 30%	1	Chai	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
41	HgSO ₄	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
42	Hóa chất Giêm sa	20	lít	Dùng trong nhuộm tế bào, ký sinh trùng và các loại khác Thành phần: Bao gồm thuốc nhuộm Giemsa, Methanol và glycerol.	
43	Hóa chất phun và tẩm mùng phòng chống sốt rét (Alpha-cypermethrin 10SC)	150	lít	Dạng huyền phù đậm đặc, hoạt chất chính: Alpha Cypermethrin 10% Công dụng: Phun và tẩm mùng phòng chống sốt rét Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
44	Hematoxyline	6	Chai	Công thức hóa học: C ₁₆ H ₁₄ O ₆ . Khối lượng phân tử: 302.28 g/mol. Nhiệt độ nóng chảy: 140 °C (ở dạng kết tinh sau khi loại bỏ nước). Bảo quản ở nhiệt độ từ +5°C đến +30°C. Hematoxylin Cryst. là một loại thuốc nhuộm của DNA trong nhân tế bào.	
45	Hydrochloric acid (HCl)	1	Chai	Thể lỏng, trong suốt không màu, mùi gây nhức. Hydrochloric Acid Fuming 37%, dùng tráng dụng cụ Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Trung Quốc

46	Hydrochloric acid HCl đậm đặc	1	Chai	Thế lỏng, trong suốt không màu, mùi gây nhức. Hydrochloric Acid Fuming 37%, dùng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
47	Hydrochloric Acid, HCl 0,25%	6	Chai	Hóa chất hydrochloric acid 0,25% dùng trong y tế, thí nghiệm Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
48	Hydroxylammonium chloride $\text{NH}_2\text{OH.HCl}$	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
49	Lugol 3 %	5	Lọ	Dung dịch Lugol 3%, sử dụng trong sản phụ khoa Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Việt Nam
50	MgO	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
51	$\text{MgSO}_4.7\text{H}_2\text{O}$	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
52	Mua hoá chất phun phòng chống SXHD: Fudora-Co-Max Insecticide	450	Lit	Hóa chất phun diệt muỗi chống dịch sốt xuất huyết Thành phần: Transfluthrin 4,87% w/w. Flupyradifurone 2,44% w/w. Phụ gia 92,69% w/w. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
53	Natri hydroxit NaOH	2	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
54	Natri oxalat $\text{Na}_2\text{C}_2\text{O}_4$	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
55	Natriumchlorid NaCl	1	Hộp	Độ tinh khiết 100%, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
56	Nitric acid HNO_3	1	Chai	Chất lỏng có nồng độ 98%, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
57	OG-6	6	Chai	Các thành phần cơ bản: Tinh thể Orange G. Nước cất. Công 95% (v/v). Axit phosphotungstic Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
58	Ống chuẩn AgNO_3 0,1N	1	Ống	Nồng độ chính xác 0,1N, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức

59	Ống chuẩn Axit oxalic 0,1 N	1	Ống	Nồng độ chính xác 0,1N, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
60	Ống chuẩn KMnO_4 0,02mol/l	1	Ống	Nồng độ chính xác 0,02mol/l, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
61	Ống chuẩn Titriplex 0,1M	1	Ống	Nồng độ chính xác 0,1mol/l, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
62	Viên khử khuẩn nhanh (Presept 2.5 gr)	5	Hộp	Thành phần: Natri Dichloroisocyanurate khan 50%, Adipic Acid 22.5%, các thành phần khác 27,5% Tác dụng: Diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn sinh dưỡng, nấm Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
63	Silycagel (hút ẩm)	2	Kg	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
64	Sodium salicylate $\text{C}_7\text{H}_5\text{NaO}_3$	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
65	Sodium sulphide 9-hydrate $\text{Na}_2\text{S} \cdot 9\text{H}_2\text{O}$	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
66	Sulfuric acid 98% H_2SO_4	1	Chai	Chất lỏng có nồng độ 98%, sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
67	Titriplex III: EDTA $\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{N}_2\text{Na}_2\text{O}_8 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
68	E.coli/Coliform Selective-Supplement	2	Hộp	Dạng bột, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 6187-1: 2019 Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
69	Xanh bromthymol	1	Hộp	Sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đúc
70	Egg Yolk tellurite Emulsion 20%	10	Chai	Dạng lỏng, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 4830-1:2005 Hạn sử dụng ≥ 2 năm	
71	Povidon Iod 10%	16	Chai	Dạng bào chế: Dung dịch dùng ngoài. Thành phần: Povidone-iodine. Chỉ định: Nhiễm trùng da và mô mềm, Nhiễm khuẩn / Nhiễm trùng, Nhiễm trùng da	

72	Pseudomonas CN Selective Supplement	2	Hộp	Dạng bột, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 8881:2011 Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
73	Pseudomonas selective agar	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng hạt, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 8881:2011 Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Đức
74	Tryptic soy agar	1	Hộp	Môi trường tổng hợp, dạng hạt, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh theo TCVN 6187-1: 2019 Hạn sử dụng ≥ 4 năm	Đức
75	Đường Glucose	300	gói	Đường Glucose, sử dụng trong nghiệm pháp dung nạp đường	
76	HÓA CHẤT THEO MÁY TB 300IR				
	Dung dịch chuẩn độ đục T-Cal Standard Set (<0,1 NTU, 20 NTU, 200 NTU, 800 NTU))	1	Bộ	Dùng để hiệu chuẩn lại độ đục của máy đo độ đục TB 300IR. Bộ gồm 4 ống chuẩn độ đục: <0,1 NTU, 20 NTU, 200 NTU, 800 NTU. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
77	HÓA CHẤT THEO BỘ DỤNG CỤ KIỂM TRA CHECKIT Comparator-Kit				
	Hóa chất test clo dư	2	Hộp	Hóa chất theo bộ dụng cụ kiểm tra so sánh CHECKIT .sử dụng trong phòng thí nghiệm phân tích test clo dư. Hạn sử dụng ≥ 2 năm	Đức
II	SINH PHẨM				
1	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	1	Gói	Mircrobiologics, Lyophilized	Mỹ
2	Chủng chuẩn E.coli ATCC 25922	1	Gói	Mircrobiologics, Lyophilized	Mỹ
3	Chủng chuẩn Enterobacter aerogenes ATCC 13048	1	Gói	Mircrobiologics, Lyophilized	Mỹ
4	Anti-Dengue virus type 1-4 ELISA (IgM) Euroimmun IVD	5	Hộp	Độ nhạy >98% và độ đặc hiệu >98% Sinh phẩm được phép lưu hành tại Việt Nam	
5	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 25923	1	Gói	Mircrobiologics, Lyophilized	Mỹ

6	Que thử thai	1,000	Que	<p>Định dạng: Que. Thông số kỹ thuật: 2.5mm / 3.0mm / 3.5mm / 4.0mm / 5mm. Mẫu: Nước tiểu. Độ chính xác: $\geq 99,80\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,00\%$</p>
7	Test Dengue virus NS1Ag	400	Test	<p>Độ nhạy: $\geq 92\%$; độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ Chứng nhận: CE. Sinh phẩm được phép lưu hành tại Việt Nam</p>
III VẬT TƯ				
1	Băng keo cá nhân	30	Hộp	<p>Kích cỡ miếng băng: 2 cm x 7 cm $\pm 10\%$ Thành phần: Băng: Vải co giãn; Gạc: phủ lớp polyethylene không gây dính hoặc tương đương Được Bộ Y tế cấp phép lưu hành và còn thời hạn</p>
2	Băng keo lụa	7	Cuộn	<p>Kích thước: 2.5cm x 5m $\pm 10\%$ Phần nền bằng vải lụa: Mềm mịn, có độ bền và chắc chắn cao; Lớp keo: Sử dụng keo kẽm oxit không dung môi hoặc tương đương</p>
3	Bơm kim tiêm 0,1 ml	210	hộp	<p>I. Các tiêu chuẩn chung Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; GMP - FDA và TCVN 5903:1995 Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất II. Tiêu chuẩn về bơm tiêm - Dung tích bơm tiêm: 0,1ml. - Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. - Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston. III. Tiêu chuẩn kỹ thuật về kim tiêm - Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. - Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: Không bị gãy, không bị xoắn trong điều kiện sử dụng bình thường. IV. Tiêu chuẩn kỹ thuật về đóng gói - 01 bơm kim tiêm/đơn vị đóng gói, gồm bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói (túi PE), sau đó sản phẩm được xử lý tiệt trùng bằng khí E.O theo quy trình kín.</p>

4	Bơm kim tiêm 0,5 ml	2,500	hộp	<p>I. Các tiêu chuẩn chung Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; GMP - FDA và TCVN 5903:1995 Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất</p> <p>II. Tiêu chuẩn về bơm tiêm - Dung tích bơm tiêm: 0,5ml. - Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. - Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston.</p> <p>III. Tiêu chuẩn kỹ thuật về kim tiêm - Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. - Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: Không bị gãy, không bị xoắn trong điều kiện sử dụng bình thường.</p> <p>IV. Tiêu chuẩn kỹ thuật về đóng gói - 01 bơm kim tiêm/đơn vị đóng gói, gồm bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói (túi PE), sau đó sản phẩm được xử lý tiệt trùng bằng khí E.O theo quy trình kín.</p>	
5	Bơm kim tiêm 3ml 23G	36	Hộp	<p>I. Các tiêu chuẩn chung Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; GMP - FDA và TCVN 5903:1995 Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất</p> <p>II. Tiêu chuẩn về bơm tiêm - Dung tích bơm tiêm: 3ml. - Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. - Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston.</p> <p>III. Tiêu chuẩn kỹ thuật về kim tiêm - Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. - Cỡ kim 23G, đầu sắc nhọn được cấp phép dùng trong y tế - Độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: Không bị gãy, không bị xoắn trong điều kiện sử dụng bình thường.</p> <p>IV. Tiêu chuẩn kỹ thuật về đóng gói - 01 bơm kim tiêm/đơn vị đóng gói, gồm bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói (túi PE), sau đó sản phẩm được xử lý tiệt</p>	

				trùng bằng khí E.O theo quy trình kín.
6	Bơm kim tiêm 5 ml	110	hộp	<p>I. Các tiêu chuẩn chung Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; GMP - FDA và TCVN 5903:1995 Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất</p> <p>II. Tiêu chuẩn về bơm tiêm - Dung tích bơm tiêm: 5ml. - Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. - Piston di chuyển dễ dàng trong xilanh. - Khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston.</p> <p>III. Tiêu chuẩn kỹ thuật về kim tiêm - Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. - Đường kính, độ dài kim, vật liệu kết cấu kim tiêm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế: Không bị gãy, không bị quăn trong điều kiện sử dụng bình thường.</p> <p>IV. Tiêu chuẩn kỹ thuật về đóng gói - 01 bơm kim tiêm/đơn vị đóng gói, gồm bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói (túi PE), sau đó sản phẩm được xử lý tiệt trùng bằng khí E.O theo quy trình kín.</p>
7	Bông y tế thấm nước	25	kg	Thành phần: Được làm từ 100% cotton, đạt tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng. Bông có khả năng thấm hút cao và nhanh, mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da
8	Bông y tế (Gòn se viên)	4	Kg	Kích thước: Ø20mm ± 10% , Thành phần: 100% bông tự nhiên, khả năng thấm hút ≤ 10s
9	Chai pet	1,420	Chai	Chai nhựa PET được làm từ nhựa Polyethylene terephthalate (PET), Thể tích: 1000ml – 1 lít (1000gr – 1kg). Loại nắp: Nắp vặn bằng nhựa. Màu sắc: Màu trong suốt. Hình dạng: Chai tròn
10	Chai thủy tinh trung tính nắp vặn	240	Chai	Được làm từ loại thủy tinh borosilicate. Thể tích: 500 ml Thiết kế thang chia vạch dễ đọc và dễ ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng với độ bền cao, khả năng chịu nhiệt tốt Đồng bộ với chai bao gồm nắp vặn được làm từ loại nhựa polypropylene, màu xanh và vòng đệm PP giúp không bị đọng nước khi rót và làm sạch, an toàn trong thực hiện công việc.

11	Găng tay tiệt trùng các cỡ	157	Hộp	<p>Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao. Có lớp bột phủ Tiệt trùng bằng khí E.O Đã kiểm tra chỉ tiêu vi sinh trước và sau tiệt trùng Không gây dị ứng, làm giảm các sự dị ứng tiềm năng Kích thước: 6.5, 7.0, 7.5</p>
12	Găng tay y tế (không bột)	90	Hộp	<p>Thành phần: 100% cao su tự nhiên. Đặc điểm: Không bột, phủ Polymer 02 mặt</p>
13	Găng tay y tế (có bột)	20	Hộp	<p>Thành phần: 100% cao su tự nhiên. Đặc điểm: Có bột</p>
14	Giá đỡ	2	cái	<p>Kích thước giá đỡ: 94x45x14 cm, chiều dài giá đỡ có thể linh hoạt điều chỉnh tùy vào nhu cầu sử dụng: 95- 149cm. - Lực tải trọng: giá đỡ có thể chịu được lực tải lên đến 180kg. - Trọng lượng giá đỡ: 15kg.</p>
15	Giấy lụa E'mos	5	Bịch	<p>Số lớp: 2 lớp = 1 tờ. Số tờ: 180 tờ / hộp. Kích thước: 186mm x 190mm. Chất liệu: 100% Bột giấy nguyên chất. Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất (xem trên bao bì)</p>
16	Giấy Parafim	3	Cuộn	<p>Loại màng nhiệt nhựa dẻo, có khả năng chống ẩm, thường được sử dụng trong nghiên cứu, y tế và các phòng thí nghiệm công nghiệp. Kích thước: 10cm x 38.1m</p>
17	Hộp an toàn bằng giấy	3,100	hộp	<p>Các tiêu chuẩn chungHộp đựng kim tiêm đã qua sử dụng bằng giấy - Dung tích: 5lít- Kích thước: 16 x 12,5 x 28 cm- Chất liệu: bia duplex cứng, kháng thủng- Có khay nhựa bẻ đầu kim, quai xách, logo y tế- Màu sắc: vàng</p>
18	Khẩu trang N95	11	Hộp	<p>Có cấu tạo 5lớp và các lớp của khẩu này được cố định với nhau bằng những đường may dập viền rất chắc chắn. khả năng bảo vệ đến 95% vi khuẩn, khói bụi, virus... với kích thước siêu nhỏ gần như vô hình. thiết kế ôm sát với khuôn mặt. Được Bộ Y tế cấp giấy phép lưu hành và còn thời hạn. Đạt tiêu chuẩn NIOSH N95 Loại đeo tai</p>



19	Khẩu trang y tế	110	Hộp	Có cấu tạo 3 lớp, khả năng bảo vệ chống nhiễm khuẩn đến 99%, thiết kế ôm khít khuôn mặt. Thành phần: 2 lớp vải không dệt, 1 lớp vải vi lọc được làm bằng sợi Polymer. Được Bộ Y tế cấp giấy phép lưu hành và còn thời hạn. Đạt tiêu chuẩn TCVN 13408:2021
20	Kim chích máu blood lancets	450	hộp	Có thân kim nhỏ, đầu nhọn sắc để lấy máu dễ dàng. Kim được tiệt trùng 100%. Thiết kế phù hợp với hầu hết các thiết bị.
21	Lam kính Microscope Slides	600	hộp	Dùng cho kính hiển vi, chất liệu: thủy tinh chất lượng cao, có độ trong suốt cao; có khu vực phủ mờ thuận tiện cho việc ghi nhãn và lưu trữ
22	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm nắp đỏ, có muống	2,000	Lọ	Cấu tạo: Nhựa nguyên sinh, nắp màu đỏ, có nhãn, có muống Công dụng: Dùng chứa mẫu nước tiểu, bệnh phẩm... Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016
23	Môi trường vận chuyển vi rút 3ml	100	Ống	Tube Môi Trường Vận Chuyển Vi Rút: chuyên chở và bảo quản mẫu bệnh phẩm đường hô hấp dùng cho xét nghiệm tìm vi rút bằng kỹ thuật PCR hoặc Real time PCR.
24	Ống cryo 2ml (-20o)	1,000	Ống	Chất liệu: Polypropylene cao cấp. Dung tích: 2ml. Tiệt trùng bằng tia gama. Nắp vặn vít ren bên ngoài không có o-ring làm giảm khả năng nhiễm bẩn. Thích hợp cho làm lạnh nito lỏng, có thể để đông lạnh và đông lạnh nhiều lần. Nhiệt độ làm việc: -196°C đến 121°C.
25	Ống nghiệm EDTA Xanh (3 ml)	4,000	ống	Nhận dạng: Ống nghiệm nhựa PP 3ml Ống nắp màu xanh dương chụp ngoài, có tem hàng hóa ghi tên bệnh nhân. Công dụng: Dùng để xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c). Đặc điểm: Sử dụng chất kháng đông EDTA (Ethylenediaminetetra Acid) với nồng độ đúng tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu, nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Tiêu chuẩn: ISO 13485. Bảo quản: Nhiệt độ phòng.

26	Ống nghiệm nắp đỏ	600	Ống	<p>Đặc Điểm: Nắp màu đỏ bên trong có hạt bi hoặc hình khối được tẩm hoá chất kích hoạt quá trình đông máu nhanh hơn. Sau khi quay ly tâm các hạt nhựa bên trong ống nghiệm với tỷ trọng đã được xác định, tạo thành lớp phân cách ngăn cản tối đa sự tiếp xúc giữa huyết thanh và cục máu đông.</p> <p>Công dụng: Dùng cho xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch...</p>
27	Ống nghiệm nắp trắng	500	ống	<p>Ống nghiệm nhựa PS 5ml (12 x 75mm) màu trắng trong. Ống nghiệm trắng trong suốt, có nắp màu trắng đục, nắp chụp phía bên trong, cấu trúc nắp 2 tầng giúp vận chuyển mẫu máu an toàn. Có nhãn.</p> <p>Đặc điểm: Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại chứa hóa chất bên trong, tinh khiết 100%.</p> <p>Thành ống trơn láng, chống sự bám dính mẫu bệnh phẩm.</p> <p>Công dụng: Lưu mẫu, vận chuyển mẫu, chứa mẫu và quay ly tâm... để làm xét nghiệm.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485.</p> <p>Bảo quản: Nhiệt độ phòng.</p>
28	Ống nghiệm VACUTEST (6 ml)	1,500	ống	Dung tích 6ml
29	Que cấy nhựa nhỏ vô trùng 1 μ l	100	Bịch	<p>Que cấy nhựa 1 μl được dùng trong việc lấy mẫu sản phẩm. Que cấy tiệt trùng thành từng bao 20 cái. Que cấy được thiết kế với phần chia rãnh giúp người sử dụng dễ cầm trong thao tác. Phần đầu nhỏ dần và kèm đầu khuyên cấy hình tròn với kích thước 1 μl. Hạn sử dụng \geq 2 năm</p>
30	Que tăm bông ngoáy hầu	100	Que	<p>Chiều dài tăm bông: 153mm\pm 1mm. Chiều dài tay cầm: 7,1cm. Đường kính đầu bông: 2.2mm\pm 0.1mm. Khắc bẻ: ở vị trí 80mm. Chất liệu đầu tăm: Nylon. Chất liệu que: nhựa ABS. Tiệt trùng từng cái. Bảo quản ở 2-30°C, hạn sử dụng 3 năm</p>
31	Que tăm bông ngoáy họng	100	Que	<p>Khắc bẻ: ở vị trí 80mm. Chiều dài tăm bông: 153mm. Chiều dài đầu bông: 24mm. Đường kính đầu bông: 5mm. Chất liệu đầu tăm: Nylon/Polyester. Chất liệu que: nhựa ABS. Tiệt trùng từng cái. Bảo quản ở 2-30°C, hạn sử dụng 3 năm</p>



32	Thùng đựng và vận chuyển mẫu bệnh phẩm	2	cái	<p>Thể tích: 12L. Chất liệu: Nhựa cao cấp Bao gồm 04 tấm tích lạnh duy trì nhiệt độ bên trong từ 2~8°C trong khoảng 24 giờ Hiện thị nhiệt độ: có.</p>	
33	Thùng vàng hủy mẫu	15	Thùng	<p>Kích thước sản phẩm: 10x10x20cm ± 10% Dung tích: 1.5 lít. Sức chứa khoảng 20-30 kim tiêm qua sử dụng. Chất liệu: nhựa HDPE . Nắp bình kín, miệng bình thiết kế dạng răng cưa và có lỗ thủy kim</p>	
34	Thùng xốp vận chuyển	350	Thùng	<p>Kích thước: 31x22x14 cm ±10% Chất liệu: Xốp EPS Hình dáng: Chữ nhật</p>	
35	Đĩa petri đường kính 60mm	100	Đĩa	<p>Đĩa petri với kích thước đường kính 60mm cao 15mm. Đĩa petri sử dụng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Chất liệu: thủy tinh chịu nhiệt, trong suốt, chống trầy</p>	Đức
36	Màng lọc 0,2 µm	4	Hộp	<p>Dùng lọc mẫu nước trong phân tích vi sinh, chất liệu Cellulose mixed ester, kích thước lỗ lọc 0,2 µm, đường kính 47 mm, tiệt trùng từng cái. Hạn sử dụng ≥ 2 năm</p>	
37	Màng lọc 0,45 µm	14	Hộp	<p>Dùng lọc mẫu nước trong phân tích vi sinh, chất liệu Cellulose mixed ester, kích thước lỗ lọc 0,45 µm, đường kính 47 mm, tiệt trùng từng cái. Hạn sử dụng ≥ 2 năm</p>	
38	Pin AA	240	cặp	<p>Pin AA dùng cho máy đo huyết áp điện tử</p>	



Phụ lục 2: MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất, sinh phẩm, vật tư như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày.... tháng.... năm.... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày... tháng... năm... [ghi ngày.... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)